

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/DS-ST
Ngày 20 tháng 11 năm 2019
“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hằng, ông Y Ník ÊBan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hồ Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 134/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện EaKar, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Đào Tuấn N và bà Nguyễn Thị H. Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 28/5/2019, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Vào khoảng từ tháng 6/2014 đến khoảng tháng 9/2016, ông H có bán rất nhiều lần phân bón cho vợ chồng ông Đào Tuấn N, bà Nguyễn Thị H để bán lại cho người dân. Đến tháng 01/2017, hai bên chốt nợ, ông N, bà H còn nợ ông H tiền mua phân bón là 257.000.000 đồng. Sau khi chốt nợ, hai bên thoả thuận đến mùa cà phê năm 2017 thì ông N, bà H sẽ trả cho ông H số tiền 57.000.000 đồng và đến hết năm 2017 sẽ trả cho ông H hết số nợ còn lại. Nhưng đến hết năm 2017, ông N,

bà H không trả cho ông H được khoản tiền nợ nào và bà H hẹn đến tháng 02/2018 (mùa Bão) sẽ trả cho ông H tổng số nợ gốc là 257.000.000 đồng và thỏa thuận bằng miệng nếu tháng 02/2018 không trả được thì sẽ phải chịu lãi 1,5%/tháng. Vì đã quá hạn trả nợ đã lâu nhưng ông N, bà H chưa trả cho ông H được khoản tiền gốc, tiền lãi nào nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đào Tuấn N, bà Nguyễn Thị H trả cho ông Nguyễn Văn H tiền nợ gốc là 257.000.000 đồng và tiền lãi là 36.000.000 đồng tiền lãi.

* Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H là vợ của ông N, còn ông H là anh con bác bà H. Vào ngày 10/02/2015 đến ngày 05/6/2016 ông H có thỏa thuận với bà H là ông H sẽ bỏ phân cho bà H để bà H bán cho dân để lấy tiền hoa hồng. Bà H, ông H không lập biên bản thỏa thuận, tuy nhiên có ký nhận phân của từng lần ông H chở đến nhà bà H. Trong quá trình bà H nhận phân để bán cho ông H thì bà H đã bán được khoảng 960.000.000 đồng. Hiện bà H đã trả cho ông H được 693.000.000 đồng, còn nợ lại cho ông H số tiền 257.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền nợ của ông H bà H đang đầu tư trong dân chưa lấy được, vì dân mất mùa. Nay ông H kiện yêu cầu bà H, ông N trả số tiền nợ gốc là 257.000.000 đồng và tiền lãi là 36.000.000 đồng. Bà H đồng ý trả cho ông H số tiền nợ gốc là 257.000.000 đồng nhưng bà H không đồng ý trả tiền lãi. Nay bà H yêu cầu ông H trả cho vợ chồng bà H, ông N số tiền chiết khấu (hoa hồng) là 93.000.000 đồng.

* Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Đào Tuấn N trình bày: Ông N là chồng của bà H, ông N đồng ý với ý kiến trình bày của bà H. Ông N đồng ý trả cho ông H số tiền nợ gốc là 257.000.000 đồng nhưng ông N không đồng ý trả tiền lãi. Và yêu cầu ông H trả cho vợ chồng bà H, ông N số tiền chiết khấu (hoa hồng) là 93.000.000 đồng.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Các đương sự đều chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà H, ông N trả số tiền nợ gốc là 257.000.000 đồng và tiền lãi là 36.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đào Tuấn N, bà Nguyễn Thị H trả số tiền số tiền nợ gốc là 257.000.000 đồng và tiền lãi là 36.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) đây là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện EaKar, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H, ông N có yêu cầu ông H pH trả số tiền chiết khấu là 93.000.000 đồng. Tòa án đã ra thông báo số 31/2019/TB-TA ngày 24 tháng 10 năm 2019 về việc làm đơn yêu cầu phản tố đối với yêu cầu trên, đồng thời cung cấp tài liệu, chứng cứ về yêu cầu này. Tuy nhiên, ông N, bà H không làm đơn yêu cầu phản tố, vì vậy xem như ông N, bà H đã từ bỏ yêu cầu của mình và không được xem xét giải quyết trong vụ án này. Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

Về nội dung:

[3] Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến tháng 9/2016 ông H có bán rất nhiều lần phân bón cho bà H, ông N. Sau đó đến năm 2017 hai bên chốt nợ và ông N, bà H còn nợ ông H 257.000.000 đồng tiền phân, bà H có hạn đến tháng 02/2018 (mùa Bão) thì trả cho ông H số tiền nợ trên là thực tế, được các bên đương sự đều thừa nhận, bà H, ông N đồng ý trả cho ông H khoản tiền nợ 257.000.000 đồng này. Tuy nhiên về khoản tiền lãi các bên không thỏa thuận được. Ông H cho rằng có thỏa thuận miệng tiền lãi là 1,5% tháng, nếu trong tháng 02/2018 vợ chồng ông N, bà H không trả được cho ông H tiền gốc, còn ông N, bà H không đồng ý với yêu cầu trả tiền lãi của ông H. Vì số tiền phân này ông N, bà H chưa thu được của dân nên chưa trả cho ông H được.

Tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự quy định: Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ông N, bà H hạn tháng 02/2018 sẽ trả tiền nợ cho ông H nhưng đến hạn trả nợ không trả được cho ông H nên ông N, bà H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả từ tháng 03/2018 đến ngày xét xử là ngày 20/11/2019.

Do các bên có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông H yêu cầu ông N, bà H phải trả 36.000.000 đồng tiền lãi cho thời gian chậm trả từ tháng 3/2018 đến nay. Số tiền lãi ông H yêu cầu phải trả thấp hơn so với quy định của pháp luật nên yêu cầu của ông H là H toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Từ những chứng cứ mà các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. Xét thấy yêu cầu của ông H là có căn cứ nên HĐXX cần buộc ông Đào Tuấn N, bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 293.000.000 đồng, bao gồm 257.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi là 36.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đào Tuấn N và bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn (theo mức 293.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 161, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; 430, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H:

- Buộc ông Đào Tuấn N và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền nợ 293.000.000 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 257.000.000 đồng và tiền lãi là 36.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Đào Tuấn N và bà Nguyễn Thị H phải chịu 14.650.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn H 6.425.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0013094 ngày 29/5/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện EaKar.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- THADS huyện Eakar;
- Dương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Cường Anh